

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sầm
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (văn bản uỷ quyền ngày 09/01/2025).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1977 và Bà Trương Ngọc C, sinh năm 1979. Cùng cư trú: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Phạm Văn K và tại bản khai, đơn xin vắng mặt ngày 10/6/2025 ông Nguyễn Văn P trình bày:

Từ tháng 07/2014 đến tháng 05/2023, ông K có bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông L, bà C. Hai bên thỏa thuận miệng không lập thành văn bản, khi giao thức ăn ông L, bà C có ký nhận trên sổ và mỗi bên giữ 01 sổ theo dõi, hình thức thanh toán tiền mặt định kỳ khoảng 04 tháng khi heo xuất chuồng thì thanh toán. Trong quá trình mua bán, nhiều lần ông L, bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên tính đến ngày 29/05/2023 chốt nợ ông L và bà C còn nợ ông K số tiền 972.031.000 đồng, nhiều lần ông K yêu cầu thu hồi nợ nhưng đến nay ông L, bà C vẫn chưa thanh toán. Nên ông K khởi kiện yêu cầu ông L và bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông K số tiền nợ gốc là 972.031.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 2%/tháng. Ngày 10/6/2025 người đại diện theo uỷ quyền của ông K có đơn xin rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông L và bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông K tiền lãi trên nợ gốc 972.031.000 đồng tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 0,83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2025 ông Phạm Văn L trình bày:

Ông L và vợ là Trương Ngọc C có mua thức ăn chăn nuôi của ông K cách nay hơn mười năm. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, khi nào heo xuất chuồng thì thanh toán tiền thức ăn cho ông K (thông thường thì khoảng 6 tháng xuất chuồng một lần). Phía ông K giao thức ăn cho phía ông L đầy đủ. Việc giao nhận thức ăn được ghi vào hai quyển sổ, mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu. Mỗi lần heo xuất chuồng thì phía ông L đều có thanh toán tiền thức ăn cho ông K nhưng không đầy đủ, phía ông K vẫn tiếp tục bán thức ăn cho ông L. Thời gian sau do heo bị dịch bệnh dẫn đến thua lỗ nên số tiền nợ thức ăn ngày càng tăng cao. Đến tháng 05/2023 thì hai bên tổng kết nợ, thống nhất ông L và bà C còn nợ ông K số tiền thức ăn tổng cộng là 972.031.000 đồng, ông L và bà C có ký xác nhận nợ vào sổ theo dõi do ông K giữ. Chữ ký tên và chữ viết họ tên Phạm Văn K bên dưới nội dung “Vợ chồng L nợ anh Tám B chín trăm bảy mươi hai triệu không trăm ba mươi một ngàn đồng” tại tờ giấy tập học sinh kẻ ô vuông mà phía ông K nộp cho Tòa án là do ông K ký, chữ ký tên viết họ tên Trương Ngọc C là do bà C ký. Ông L và bà C cùng mua thức ăn chăn nuôi của ông K về để vợ chồng cùng chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình nhưng không may thua lỗ dẫn đến việc nợ tiền thức ăn chăn nuôi của ông K. Về số tiền nợ mà ông K yêu cầu vì do thời gian đã lâu nên ông L không nhớ rõ sau khi chốt số nợ 972.031.000 đồng thì ông và bà C có trả được khoản tiền nào cho ông K hay không, ông sẽ xem lại sổ theo dõi và sẽ đưa ra ý kiến sau. Đối với phần tiền lãi thì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông đang gặp khó khăn nên xin không trả lãi. Sau khi chốt nợ thì ông L có nuôi heo gia công cho ông K, tổng tiền công ông L nuôi gia công cho ông K là hơn 60.000.000 đồng, hiện ông K chưa thanh toán số tiền công này cho L, ông L yêu cầu ông K cần trừ số tiền công này vào số nợ 972.031.000 đồng.

Bà Trương Ngọc C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà C không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc ông L và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 972.031.000 đồng và tiền lãi là 196.855.000 đồng, tổng cộng là 1.168.886.000 đồng.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 24/01/2025 để đảm bảo thi hành án.

- Buộc ông L và bà C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền khởi kiện.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm Văn K thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Phạm Văn L và Trương Ngọc C có địa chỉ nơi cư trú tại xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ giấy chốt nợ ghi ngày 29/5/2023 do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận, theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 157 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.5] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Văn K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Phạm Văn L và bà Trương Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt ông P, ông L và bà C theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông L và bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho cho ông K tiền lãi trên nợ gốc 972.031.000 đồng tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 1,17%/tháng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ mua bán tài sản:

Ông K yêu cầu ông L và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 972.031.000 đồng theo nội dung của giấy xác nhận nợ ngày 29/5/2025 là tờ giấy kê tập học sinh mà ông K đã nộp cho Tòa án. Ông L thừa nhận ông và bà C có mua thức ăn chăn nuôi của ông K, ngày 29/5/2023 hai bên tổng kết nợ và thống nhất ông L và bà C còn nợ ông K số tiền thức ăn chăn nuôi là 972.031.000 đồng, ông K thừa nhận có ký tên xác nhận nợ ngày 29/5/2025. Ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sau khi chốt số nợ 972.031.000 đồng vào ngày 29/5/2023 thì ông L hay bà C có trả số tiền nợ trên cho ông K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bà C thông báo về việc thụ lý vụ án và bản sao đơn khởi kiện của ông K cùng tất cả các tài liệu, chứng cứ mà ông K giao nộp kèm theo đơn khởi kiện; Tòa án đã triệu tập bà C nhiều lần để tiến hành hoà giải, ghi nhận ý kiến của bà C đối với yêu cầu khởi kiện của ông K nhưng bà C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, bà C cũng không có văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến phản bác của bà C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc ông K và bà C có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 972.031.000 đồng cho ông K là phù hợp.

[2.3] Về yêu cầu tiền lãi: Ông K yêu cầu ông L và bà C liên đới nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng trên số nợ gốc là 972.031.000 đồng. Xét thấy, việc ông K yêu cầu ông L và bà C phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 29/5/2023 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông K với ông L và bà C không có thỏa thuận về trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông L và bà C phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, mức lãi suất thời gian tính lãi mà ông K yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2025) như sau: 972.031.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng 12 ngày = 196.855.000 đồng.

[2.3] Đối với lời trình bày của ông L về việc yêu cầu ông K cản trừ số tiền công mà ông L đã nuôi heo gia công cho ông K là hơn 60.000.000 đồng vào số nợ 972.031.000 đồng thì Toà án đã thông báo cho ông L nộp cho Toà án đơn yêu cầu độc phản tố đối với yêu cầu này và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố theo quy định nhưng ông L không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 24/01/2025 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

[2.5] Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 47.066.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K, cụ thể:

1. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện ông Phạm Văn K về việc yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Trương Ngọc C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn K tiền lãi trên nợ gốc 972.031.000 đồng tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 1,17%/tháng.

2. Buộc ông Phạm Văn L và bà Trương Ngọc C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn K số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 972.031.000 đồng (chín trăm bảy mươi hai triệu không trăm ba mươi một ngàn đồng) và tiền lãi là 196.855.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng), tổng cộng là 1.168.886.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 24/01/2025 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí:

- Ông Phạm Văn L và bà Trương Ngọc C có nghĩa vụ liên đới chịu số án phí dân sự sơ thẩm là 47.066.000 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 25.595.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0008428 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho ông Phạm Văn K.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong